ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03 /2021/QĐ-UBND	*Long An, ngày 19 tháng 01 năm 2021*

SỞ TƯ PHÁP
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
TỈNH LONG AN

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 898/HĐND-KTNS ngày 20/11/2020 của Thường trực HĐND tỉnh về việc tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 6070/STC-QLGCS ngày 30/12/2020; ý kiến của Sở Tư pháp tại văn bản số 4293/STP-XDKTVB ngày 28/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này, gồm:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, xã hội, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và các lĩnh vực khác thực hiện theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Các nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cụ thể như sau:

STT	Loại diện tích chuyên dùng	Đơn vị cấp tỉnh		Đơn vị cấp huyện		Đơn vị cấp xã	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	48 m^2	80 m^2	48 m^2	70 m^2	48 m^2	60 m^2
2	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	18 m^2	50 m^2	18 m^2	40 m^2	18 m^2	30 m^2
3	Quản trị hệ thống công nghệ thông tin	30 m^2	160 m^2	30 m^2	100 m^2	30 m^2	80 m^2
4	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên, *có trang bị bàn viết, không kể sân khấu*)	1,8 m^2/chỗ ngồi	2,0 m^2/chỗ ngồi	1,8 m^2/chỗ ngồi	2,0 m^2/chỗ ngồi	1,8 m^2/chỗ ngồi	2,0 m^2/chỗ ngồi
5	Kho chuyên ngành	Tối đa 250 m^2		Tối đa 250 m^2		Tối đa 150 m^2	
6	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù	20 m^2	50 m^2	20 m^2	40 m^2	20 m^2	30 m^2

2. Trường hợp cần thiết phải bố trí diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù vượt quy định tại khoản 1 Điều này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo bằng văn bản đến cơ quản lý cấp trên (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện) để có ý kiến và gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không xác định lại diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù theo quy định tại Quyết định này.

Trường hợp do thực hiện Đề án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế làm thay đổi nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù (tăng hoặc giảm diện tích chuyên dùng) cần phải điều chỉnh dự án thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án đảm bảo phù hợp theo quy định về tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 2 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù chưa phù hợp theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 2 Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp trong diện tích trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có để phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù tại Quyết định này làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; đầu tư xây dựng; mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2021.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế-Bộ VH,TT&DL;
- Cục Kiểm tra VBPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- CVP, PCVP (vx);
- TT. PVHC công tỉnh;
- Phòng CTHĐND;
- Phòng VHXH;
- Lưu: VT, Mai. (5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Út